

Số: **18/2024/QĐST-KDTM**

*Thành phố Bến Tre, ngày 05 tháng 11 năm 2024*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ biên bản hòa giải thành được lập ngày 28 tháng 10 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 25/2024/TLST-KDTM ngày 10/10/2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

**XÉT THẤY:**

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện, nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:**

*\* Nguyên đơn: Ngân hàng N*

Trụ sở chính: 2 L, phường T, quận B, Tp .

*Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.*

*Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị Kim L - Chức vụ: Giám đốc A Chi nhánh Đ.*

Địa chỉ liên hệ: 14A Đại lộ Đ, phường A, TP ., tỉnh Bến Tre.

*Người được ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Phan D – Phó giám đốc Ngân hàng N – Chi nhánh Đ.*

*\* Bị đơn: Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Y*

Trụ sở chính: Số B Đ, phường F, thành phố, Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Đại diện: Bà Nguyễn Thị Lệ H, sinh năm: 1982 - Chức danh: Giám Đốc.

Địa chỉ thường trú: Số F V, khóm B, phường H, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Địa chỉ liên lạc: Số F V, khóm B, phường H, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

\* *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

- Ông **Nguyễn Chung Minh T**, sinh năm: 1989

Hộ khẩu thường trú: Số D đường B nối dài, khu phố D, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: Số B Đ, phường F, Thành phố B, tỉnh Bến Tre.

- Bà **Nguyễn Vũ Quỳnh H1**, sinh năm: 1989

Hộ khẩu thường trú: Số D đường B nối dài, khu phố D, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: Số D đường B nối dài, khu phố D, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

## 2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Công ty TNHH Y đồng ý trả cho Ngân hàng N số tiền nợ gốc và lãi tính đến hết ngày 31/8/2024 là 5.128.426.234 đồng (*Năm tỷ một trăm hai mươi tám triệu bốn trăm hai mươi sáu ngàn hai trăm ba mươi bốn đồng chẵn*) và phần lãi trên số nợ gốc theo Hợp đồng tín dụng số 7109-LAV-202400137 ký ngày 11/3/2024 giữa A với Công ty TNHH Y từ ngày 01/9/2024 cho đến khi tất nợ.

Trường hợp Công ty TNHH Y không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo các hợp đồng thế chấp:

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 22.09.15.0001/HĐTC ngày 16/3/2022 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung kèm theo đối với: Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất diện tích diện tích 2.974,8 m<sup>2</sup>, thửa đất số 46, tờ bản đồ số 42, MĐSD: Đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CQ 435796, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS09585 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 05/01/2019 do Ông Nguyễn Chung Minh T đứng tên chủ sở hữu.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 22.09.15.0003/HĐTC ngày 12/4/2022 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung kèm theo đối với: Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất diện tích 3.443,3m<sup>2</sup>, MĐSD: Đất chuyên trồng lúa nước; thửa đất số 508, tờ bản đồ số 17 tọa lạc tại ấp Thành Hóa 1, xã Tân Thành Bình, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DD 801428, số vào sổ: CS09102 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 31/3/2022 do Ông Nguyễn Chung Minh T đứng tên chủ sở hữu.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 22.09.15.0004/HĐTC ngày 13/5/2022 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung kèm theo đối với: Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất diện tích 1.643,9m<sup>2</sup>, MĐSD: Đất trồng cây lâu năm; thửa đất số 872, tờ bản đồ số 5 tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DD719585, số vào sổ: CS09166 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 05/5/2022 do Ông Nguyễn Chung Minh T đứng tên chủ sở hữu.

Về án phí: án phí dân sự sơ thẩm được giảm 50% là 56.564.200 đồng (Năm mươi sáu triệu năm trăm sáu mươi bốn ngàn hai trăm đồng) Công ty TNHH Y phải chịu. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre phải hoàn lại cho Ngân hàng N Chi nhánh Đ số tiền là 56.564.200 đồng (Năm mươi sáu triệu năm trăm sáu mươi bốn ngàn hai trăm đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0005172 ngày 08/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre.

**3.** Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm

**4.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

**Nơi nhận:**

- VKSND thành phố Bến Tre.
- Chi cục THADS TP Bến Tre.
- Các đương sự.
- TAND tỉnh
- Lưu hồ sơ.

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE**

**Thẩm phán**

(đã ký)

**Nguyễn Duy Phong**